

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/DS-ST

Ngày 22 tháng 8 năm 2025

“Tranh chấp yêu cầu hủy văn bản
công chứng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thúy Oanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lý**

Bà **Nguyễn Thị Xuân Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tổng Thùy Dương** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Bích Hương** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp yêu cầu hủy văn bản công chứng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ H, sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Số E tổ B T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là: Số E tổ B T, phường B, tỉnh Khánh Hòa).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty L3; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc P – Giám đốc công ty (theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 1526 ngày 26/02/2025); Công ty L3; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc P ủy quyền lại cho ông Trịnh Thọ T – sinh năm 1994; địa chỉ: Số B đường A, KĐT mới L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là: Số B đường A, KĐT mới L, phường N, tỉnh Khánh Hòa) (theo Giấy ủy quyền số 2602/NPLaw-GUQ ngày 26/02/2025); (ông T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1977; Nơi cư trú: B Hồ N, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Số I M, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là: Số I M, phường B, tỉnh Khánh Hòa); (Bà L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Văn phòng C1; (Vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Công chứng viên Ngô Ngọc T1; (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số F (số C) H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là: Số F H, phường N, tỉnh Khánh Hòa).

3. Ông Võ T2, sinh năm: 1967;

Nơi cư trú: Số E Tổ B T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là: Số E Tổ B T, phường B, tỉnh Khánh Hòa).

4. Bà Võ Thị V, sinh năm: 1968;

Nơi cư trú: Số I Tổ A H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là: Số I Tổ A H, phường B, tỉnh Khánh Hòa).

5. Ông Võ Nhật H1, sinh năm: 1998;

Nơi cư trú: Tổ A T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là: Tổ 1 T, phường B, tỉnh Khánh Hòa).

6. Ông Võ Chí V1, sinh năm 2000;

Nơi cư trú: Tổ B T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là: Tổ B T, phường B, tỉnh Khánh Hòa).

7. Ông Võ Tấn T3, sinh năm: 1977;

Nơi cư trú: Tổ B T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là: Tổ B T, phường B, tỉnh Khánh Hòa).

8. Bà Võ Thị Kim P1, sinh năm: 1979;

Nơi cư trú: Tổ B T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là: Tổ B T, phường B, tỉnh Khánh Hòa).

9. Bà Võ Thị Kim L1, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Tổ B T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là: Tổ B T, phường B, tỉnh Khánh Hòa).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ T2, bà Võ Thị V, ông Võ Nhật H1, ông Võ Chí V1, ông Võ Tấn T3, bà Võ Thị Kim P1 và bà Võ Thị Kim L1 là bà Bùi Thanh Trúc U – sinh năm 2002; địa chỉ: Số B đường A, KĐT mới L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là: Số B đường A, KĐT mới L, phường N, tỉnh Khánh Hòa) (theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 1539 ngày 26/02/2025); (Bà U vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ của nguyên đơn ông Võ H là ông Võ K (sinh năm 1936, chết năm 2020) và bà Lê Thị M (sinh năm 1938, chết năm 2023). Ông K và bà M có 08 người con gồm: Võ T2, sinh năm 1967, Võ Thị V, sinh năm 1968, Võ H, sinh năm 1970, Võ L2, sinh năm 1970 (chết năm 2005, có 01 người con là Võ Nhật H1, sinh năm 1998), Võ H2, sinh năm 1975 (chết năm 2010, có 01 người con là Võ Chí V1, sinh năm 2000), Võ Tấn T3, sinh năm 1977, Võ Thị Kim P1, sinh năm 1979 và Võ Thị Kim L1, sinh năm 1983.

Cha mẹ ông Võ H là chủ sở hữu thửa đất số 97, tờ bản đồ số 8 và được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 719948, sổ vào sổ cấp GCN: CH03306/22330 ngày 17/12/2014, với diện tích 2024,4m², tọa lạc tại Tổ B T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Cha mẹ ông H qua đời nhưng không để lại di chúc. Trong quá trình thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế để phân chia thửa đất trên, ông Võ H được biết hiện nay đang tồn tại giao dịch liên quan đến việc chuyển nhượng đối với thửa đất này. Cụ thể là ông Võ K, bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị L có lập Văn bản thỏa thuận và cam kết về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng 1488, quyền số: 01 TP/CT-SCT ngày 03/8/2017. Nội dung văn bản này là ông K, bà M chuyển nhượng phần đất có diện tích 101,0m² cho bà L với giá là 198.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi tám triệu đồng*). Do đó, ông Võ H và những người thừa kế khác của ông K, bà M không thể tiến hành được thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo quy định.

Sau đó, ông H và những người thừa kế khác của ông K, bà M đã gặp và trao đổi với bà Nguyễn Thị L thì bà L cũng thống nhất và đồng ý hủy Văn bản thỏa thuận và cam kết nêu trên. Vì bản chất của Văn bản thỏa thuận và cam kết này là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông K, bà M và bà L. Tuy nhiên, phần diện tích đất chuyển nhượng là 101,0m² đối với đất rừng sản xuất là không đủ điều kiện tách thửa và vi phạm quy định của pháp luật.

Vì vậy, ông Võ H khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận và cam kết về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được chứng thực tại Văn phòng C1, chứng thực số 1488, quyền số 01 TP/CT-SCT ngày 03/8/2017 giữa ông Võ K, bà Lê Thị M với bà Nguyễn Thị L; không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc hủy văn bản công chứng. Ông Võ H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng và toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Năm 2017, bà L nhận chuyển nhượng từ ông Võ K và bà Lê Thị Mỹ M1 phần đất có diện tích 101,0m² thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 719948, sổ vào sổ cấp GCN: CH03306/22330 ngày 17/12/2014, tại địa chỉ: Tổ B, T, V, N, Khánh Hòa, với giá chuyển nhượng là 198.000.000 đồng và có lập Văn bản thỏa thuận và cam kết, số chứng thực 1488, quyền số 01 TP/CT-SCT lập ngày 03/8/2017 tại Văn phòng C1.

Sau khi nhận chuyển nhượng phần đất nêu trên, bà L không trông trọt và không thực hiện bất kỳ giao dịch nào liên quan đến phần diện tích đất này. Đến năm 2024, ông Võ H là một trong những người con của ông Võ K và bà Lê Thị M, đi làm thủ tục khai nhận di sản của ông K, bà M thì mới biết giữa ông K, bà M và bà L có lập Văn bản thỏa thuận và cam kết **về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất** nêu trên, nên không thể tiến hành được thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo quy định.

Sau đó, phía ông H có gặp bà L trao đổi và sau khi xem xét lại điều kiện thì bà L được biết phần diện tích 101,0m² thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 8, địa chỉ tại Tổ B, T, V, N, Khánh Hòa mà bà nhận chuyển nhượng là đất rừng sản xuất và thuộc

trường hợp không đủ điều kiện tách thửa do không đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định.

Vì vậy, bà L đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Võ H về việc hủy Văn bản thỏa thuận và cam kết giữa bà Nguyễn Thị L và ông Võ K, bà Lê Thị M, số chứng thực 1488, quyền số 01 TP/CT-SCT lập ngày 03/8/2017 tại Văn phòng C1. Bà L không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc hủy văn bản công chứng. Đồng thời, bà L tự nguyện đồng ý hoàn trả lại số tiền và bàn giao lại phần diện tích đất đã nhận chuyển nhượng của ông Võ K, bà Lê Thị M để những người thừa kế của ông K, bà M thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo quy định pháp luật. Bà L đồng ý việc ông Võ H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng và toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà L xin được vắng mặt trong tất cả những buổi làm việc, các buổi hòa giải, phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ T2, bà Võ Thị V, ông Võ Nhật H1, ông Võ Chí V1, ông Võ Tấn T3, bà Võ Thị Kim P1, bà Võ Thị Kim L1 và người đại diện theo ủy quyền bà Bùi Thanh Trúc U trình bày:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông Võ T2, bà Võ Thị V, ông Võ Nhật H1, ông Võ Chí V1, ông Võ Tấn T3, bà Võ Thị Kim P1, bà Võ Thị Kim L1 đồng ý thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ H; thống nhất với ý kiến trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị L. Đồng ý hủy Văn bản thỏa thuận và cam kết về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ K, bà Lê Thị M với bà Nguyễn Thị L, chứng thực số 1488, quyền số 01 TP/CT-SCT ngày 03/8/2017, tại Văn phòng C1, đối với phần diện tích 101,0m² thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 8, địa chỉ tại Tổ B, T, V, N, Khánh Hòa, để tiến hành thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo quy định pháp luật; không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc hủy văn bản công chứng.

Về án phí và chi phí tố tụng: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn ông Võ H.

- Tại văn bản số 12/CV-VPCCHL ngày 14/02/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C1 do bà Phạm Thị Mỹ P2 – Trưởng Văn phòng trình bày:

Ngày 03/8/2017, Văn phòng C1 có nhận hồ sơ yêu cầu chứng thực chữ ký đối với Văn bản thỏa thuận và cam kết giữa một bên là ông Võ K, bà Lê Thị M và một bên là bà Nguyễn Thị L.

Tại thời điểm công chứng, các bên đã cung cấp hồ sơ, giấy tờ bao gồm: Chứng minh nhân dân và hộ khẩu của ông Võ K, bà Lê Thị M; Chứng minh nhân dân và hộ khẩu của bà Nguyễn Thị L; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 719948, số vào sổ cấp GCN: CH03306/22330 do UBND thành phố N cấp ngày 17/12/2014 cho ông Võ K, bà Lê Thị M; bản trích đo địa chính thửa đất.

Sau khi tiếp nhận, xem xét và đánh giá thành phần hồ sơ, Công chứng viên Văn phòng C1 đã khẳng định hồ sơ yêu cầu chứng thực nói trên là hoàn toàn hợp pháp theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Công chứng viên Văn phòng C1 đã tra cứu các dữ liệu công chứng được lưu trữ tại Văn phòng và nhận thấy tài sản không bị bắt

kỳ tổ chức, cá nhân nào yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nào. Những người lập văn bản đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc các trường hợp bị cấm giao dịch, không bị lừa dối hay ép buộc.

Vì vậy việc chứng thực chữ ký đối với Văn bản thỏa thuận và cam kết nêu trên của Công chứng viên Văn phòng C1 là hoàn toàn có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, Văn phòng C1 xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án từ sơ thẩm đến phúc thẩm (nếu có).

- Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công chứng viên Ngô Ngọc T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, tất cả những người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ H: Hủy Văn bản thỏa thuận và cam kết, số chứng thực 1488, quyển số 01 TP/CT-SCT ngày 03/8/2017, tại Văn phòng C1, giữa ông Võ K, bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị L. Các đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc hủy văn bản công chứng nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Võ H khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về yêu cầu hủy văn bản công chứng đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L. Bà L có nơi cư trú tại thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa nên đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa) theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025.

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công chứng viên Ngô Ngọc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn

cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 03/8/2017, ông Võ K, bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị L lập Văn bản thỏa thuận và cam kết với nội dung ông K và bà M chuyển nhượng 101,0m² đất thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 8, loại đất rừng sản xuất, tọa lạc tại Tổ B T, V, N (nay là phường B), tỉnh Khánh Hòa cho bà Nguyễn Thị L với giá 198.000.000 đồng, được công chứng tại Văn phòng C1, số chứng thực 1488, quyển số 01 TP/CT-SCT ngày 03/8/2017.

Sau đó, ông Võ K chết ngày 19/12/2020 và bà Lê Thị Mỹ C ngày 22/11/2023, không để lại di chúc. Do vậy, toàn bộ thửa đất trên trở thành di sản thừa kế của ông K và bà M. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông K, bà M gồm: ông Võ T2, sinh năm 1967, bà Võ Thị V, sinh năm 1968, ông Võ H, sinh năm 1970, ông Võ L2, sinh năm 1970 (chết năm 2005, có 01 người con là Võ Nhật H1, sinh năm 1998), ông Võ H2, sinh năm 1975 (chết năm 2010, có 01 người con là Võ Chí V1, sinh năm 2000), ông Võ Tấn T3, sinh năm 1977, bà Võ Thị Kim P1, sinh năm 1979 và bà Võ Thị Kim L1, sinh năm 1983.

Trong quá trình làm thủ tục khai nhận di sản, các đồng thừa kế phát hiện sự tồn tại của Văn bản thỏa thuận và cam kết về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên, gây cản trở việc phân chia di sản. Đồng thời, các bên nhận thấy rằng diện tích chuyển nhượng 101,0m² đối với đất rừng sản xuất là không đủ diện tích và điều kiện để thực hiện tách thửa theo quy định. Vì vậy, nguyên đơn ông Võ H khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên hủy Văn bản thỏa thuận và cam kết giữa ông Võ K, bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị L, số chứng thực 1488, quyển số 01 TP/CT-SCT ngày 03/8/2017 tại Văn phòng C1; bị đơn bà Nguyễn Thị L đồng ý.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

Văn bản thỏa thuận và cam kết ngày 03/8/2017 có nội dung: Ông Võ K và bà Lê Thị M đồng ý chuyển nhượng một phần đất có diện tích 101,0m² loại đất rừng sản xuất, thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 8 tại tổ B T, V, N, Khánh Hòa cho bà Nguyễn Thị L. Thực chất đây là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông K, bà M và bà L, do phần diện tích đất này không đủ điều kiện để lập hợp đồng chuyển nhượng theo quy định nên các bên chỉ lập Văn bản thỏa thuận và cam kết.

Theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Quyết định 32/2014/QĐ-UBND tỉnh K ban hành quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa đất đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, trong đó đất rừng sản xuất tại đô thị phải có diện tích từ 1.000m² trở lên mới được phép tách thửa. Tại Điều 188 Luật Đất đai 2013 quy định: Quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ được thực hiện khi thửa đất đủ điều kiện tách thửa. Tại khoản 2 Điều 29 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định: “ 2. Không được công chứng, chứng thực, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và không được làm thủ tục thực hiện các quyền của người sử dụng đất đối với trường hợp tự chia tách thửa đất đã đăng ký, đã được cấp

Giấy chứng nhận thành hai hoặc nhiều thửa đất mà trong đó có ít nhất một thửa đất có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

Như vậy, phần đất ông K và bà M chuyển nhượng cho bà L chỉ có diện tích 101,0m² là không đủ điều kiện tách thửa và các bên không thể thực hiện được quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Vì vậy, các bên thống nhất hủy bỏ Văn bản thỏa thuận và cam kết giữa ông Võ K, bà Lê Thị M với bà Nguyễn Thị L, số chứng thực 1488, quyền số 01 TP/CT-SCT ngày 03/8/2017 tại Văn phòng C1.

Ngoài Văn phòng C1, Công chứng viên Ngô Ngọc T1 thì những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thống nhất ý kiến của bị đơn, đồng ý hủy bỏ Văn bản thỏa thuận và cam kết nêu trên.

Do đó, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ H, hủy Văn bản thỏa thuận và cam kết, số chứng thực 1488, quyền số 01 TP/CT-SCT ngày 03/8/2017, được công chứng tại Văn phòng C1 giữa ông Võ K, bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị L và phù hợp với quy định tại Điều 425 Bộ luật Dân sự 2015. Các đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc hủy văn bản công chứng theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự 2015, nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng và đã nộp đủ số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ H tự nguyện chịu toàn bộ án phí và bị đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 425, 427 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ H.

1. Hủy Văn bản thỏa thuận và cam kết, số chứng thực 1488, quyền số 01 TP/CT-SCT ngày 03/8/2017, tại Văn phòng C1 giữa ông Võ K, bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị L. Các đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc hủy văn bản công chứng nên không xem xét.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Võ H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định là 1.000.000 đồng và ông H đã nộp đủ.

3. Về án phí: Nguyên đơn ông Võ H tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số **0003620** ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa). Ông Võ H đã nộp đủ án phí.

Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 1 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thúy Oanh